

THÔNG TƯ

Về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước (sau đây gọi tắt là Nghị định số 52/2009/NĐ-CP);

Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước (sau đây gọi tắt là Thông tư số 245/2009/TT-BTC) như sau:

Điều 1. Bổ sung khoản 7a vào sau khoản 7 Điều 6 như sau:

“7a. Thuê bổ sung diện tích làm việc:

a) Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang đi thuê trụ sở làm việc được thuê bổ sung diện tích làm việc khi diện tích làm việc hiện có còn thiếu so với tiêu chuẩn, định mức trong các trường hợp sau:

- Số lượng cán bộ, công chức, viên chức tăng lên theo quyết định của cấp có thẩm quyền so với biên chế được giao tại thời điểm đi thuê trụ sở làm việc lần thuê gần nhất. Cơ quan, tổ chức, đơn vị đã tiến hành sắp xếp, bố trí lại nhưng không đủ diện tích làm việc cho số lượng cán bộ, công chức, viên chức tăng thêm;

- Được giao thêm nhiệm vụ so với nhiệm vụ được giao tại thời điểm thuê trụ sở lần thuê gần nhất, dẫn đến yêu cầu phải tăng thêm diện tích làm việc. Cơ quan, tổ chức, đơn vị đã tiến hành sắp xếp, bố trí lại nhưng không đủ diện tích làm việc, nếu không được thuê bổ sung sẽ làm ảnh hưởng tới việc thực hiện nhiệm vụ được giao;

- Quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc tăng lên dẫn đến diện tích hiện đang thuê thiếu

so với tiêu chuẩn, định mức, nếu không được thuê bổ sung sẽ làm ảnh hưởng tới việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

b) Thẩm quyền quyết định thuê bổ sung diện tích làm việc: Cấp có thẩm quyền quyết định thuê trụ sở làm việc theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 245/2009/TT-BTC quyết định thuê bổ sung diện tích làm việc.

c) Lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ cho thuê và đơn giá thuê diện tích làm việc bổ sung:

Việc lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ cho thuê và đơn giá thuê đối với diện tích làm việc bổ sung thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 6 Thông tư số 245/2009/TT-BTC. Địa điểm thuê bổ sung diện tích làm việc cần được xem xét, cân nhắc đảm bảo các điều kiện làm việc và tiết kiệm chi phí quản lý, vận hành.

Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị có thể lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ đang cho thuê trụ sở làm việc hiện tại để thuê bổ sung diện tích làm việc với điều kiện đơn giá thuê diện tích làm việc bổ sung không cao hơn đơn giá thuê trụ sở làm việc theo Hợp đồng đã ký kết gần nhất. Trường hợp đơn giá thuê diện tích làm việc bổ sung cao hơn đơn giá đang thuê thì cơ quan, tổ chức, đơn vị phải báo cáo cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 5 Thông tư số 245/2009/TT-BTC xem xét, quyết định”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

“Điều 11. Hồ sơ và danh mục tài sản nhà nước điều chuyển, bán, thanh lý

1. Khi có tài sản nhà nước cần điều chuyển, bán, thanh lý thì cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chuyển, bán, thanh lý tài sản theo quy định tại các Điều 17, 21 và 28 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP, trình cấp thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Danh mục tài sản nhà nước điều chuyển, bán, thanh lý quy định tại điểm d khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 17; điểm c khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 21 và điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 28 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP thực hiện theo một trong hai hình thức sau:

a) Lập theo Mẫu số 01-DM/TSNN, Mẫu số 02-DM/TSNN, Mẫu số 03-DM/TSNN ban hành kèm theo Thông tư này;

b) In từ Cơ sở dữ liệu về tài sản nhà nước thông qua Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước.

3. Đối với danh mục tài sản nhà nước điều chuyển lập theo Mẫu số 01-DM/TSNN, Mẫu số 02-DM/TSNN, Mẫu số 03-DM/TSNN quy định tại khoản

1 Điều này phải có thêm chỉ tiêu về giá trị còn lại theo đánh giá lại trong các trường hợp sau đây:

a) Điều chuyển tài sản nhà nước từ cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự chủ tài chính sang đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính hoặc giữa các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính;

b) Điều chuyển tài sản nhà nước giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị mà tài sản đó chưa được theo dõi hạch toán trên sổ kế toán”.

Điều 3. Bổ sung Điều 13a vào sau Điều 13 như sau:

“Điều 13a. Chi phí liên quan đến việc thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý tài sản nhà nước

1. Chi phí liên quan đến thu hồi tài sản nhà nước:

a) Các chi phí liên quan đến việc thu hồi tài sản nhà nước, gồm:

- Chi phí bảo quản tài sản (chi phí thuê kho, bãi để bảo quản tài sản, chi cho công tác bảo vệ và duy trì hoạt động của tài sản);

- Chi phí liên quan đến việc bán tài sản nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP đối với trường hợp tài sản nhà nước thu hồi được xử lý theo phương án bán. Trường hợp việc bán đấu giá do Hội đồng định giá và bán đấu giá thực hiện thì chi phí về bán đấu giá tài sản thực hiện theo Thông tư số 137/2010/TT-BTC ngày 15/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc xác định giá khởi điểm của tài sản nhà nước bán đấu giá và chế độ tài chính của Hội đồng bán đấu giá tài sản;

- Chi phí liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản;

- Chi phí khác có liên quan (nếu có).

b) Mức chi đối với các khoản chi phí quy định tại điểm a khoản này thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức và chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; trường hợp chưa có tiêu chuẩn, định mức và chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì người đứng đầu cơ quan xử lý tài sản quyết định mức chi, đảm bảo phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

c) Nguồn chi trả các chi phí nêu trên được sử dụng từ số tiền thu được từ việc xử lý và khai thác tài sản nhà nước bị thu hồi theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 14 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP. Trường hợp tài sản nhà nước thu hồi được xử lý theo phương án điều chuyển thì cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản chi trả theo quy định tại khoản 5 Điều 17 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP.

2. Chi phí liên quan đến điều chuyển tài sản nhà nước:

- a) Các chi phí liên quan đến việc điều chuyển tài sản nhà nước, gồm:
- Chi phí bảo quản tài sản (chi phí thuê kho, bãi để bảo quản tài sản, chi cho công tác bảo vệ và duy trì hoạt động của tài sản);
 - Chi phí phát sinh trong quá trình bàn giao, tiếp nhận tài sản.
 - Chi phí khác có liên quan (nếu có).

b) Mức chi đối với các khoản chi phí quy định tại điểm a khoản này thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức và chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; trường hợp chưa có tiêu chuẩn, định mức và chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản quyết định mức chi, đảm bảo phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

c) Nguồn chi trả các chi phí nêu trên do cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản bố trí theo quy định tại khoản 5 Điều 17 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP.

3. Chi phí liên quan đến bán, thanh lý tài sản nhà nước:

a) Các chi phí liên quan đến việc bán, thanh lý tài sản nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 24, khoản 2 Điều 31 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP;

b) Mức chi đối với các khoản chi phí quy định tại điểm a khoản này thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức và chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; trường hợp chưa có tiêu chuẩn, định mức và chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xử lý tài sản quyết định mức chi, đảm bảo phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

c) Nguồn chi trả các chi phí nêu trên được sử dụng từ số tiền thu được do bán, thanh lý tài sản nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 31 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP.

4. Trường hợp xử lý tài sản nhà nước không có nguồn thu hoặc số tiền thu được không đủ để thanh toán chi phí thì cơ quan, đơn vị, tổ chức có trách nhiệm chi trả được chi từ nguồn kinh phí thường xuyên được giao”.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

“Điều 17. Trình tự, hồ sơ báo cáo kê khai tài sản nhà nước

1. Hình thức báo cáo kê khai tài sản nhà nước:

a) Báo cáo kê khai lần đầu được áp dụng đối với những tài sản nhà nước đang quản lý, sử dụng tại thời điểm Nghị định số 52/2009/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.

Đối với tài sản nhà nước đã đăng ký theo quy định tại Nghị định số 137/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006 của Chính phủ quy định việc phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước thì không phải báo cáo kê khai lần đầu theo quy định này. Cơ quan tiếp nhận và quản lý báo cáo kê khai tài sản nhà nước có trách nhiệm cập nhật kết quả đã đăng ký vào báo cáo kê khai tài sản nhà nước của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

b) Báo cáo kê khai bổ sung được áp dụng đối với các trường hợp có thay đổi về tài sản nhà nước do đầu tư xây dựng; mua sắm mới; tiếp nhận từ đơn vị khác về sử dụng; thanh lý, điều chuyển, bị thu hồi, tiêu hủy, bán hoặc thay đổi mục đích sử dụng của tài sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản thay đổi tên gọi, chia tách, sáp nhập, giải thể theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Trình tự, hồ sơ báo cáo kê khai lần đầu:

a) Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thực hiện:

- Lập 03 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Thông tư số 245/2009/TT-BTC và kèm theo bản sao các giấy tờ có liên quan đến tài sản báo cáo kê khai, gồm: giấy tờ liên quan đến nhà, đất đang sử dụng (đối với trụ sở làm việc); giấy đăng ký xe ô tô; biên bản nghiệm thu đưa tài sản vào sử dụng (đối với tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên /1 đơn vị tài sản);

- Gửi 02 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản: Bộ, cơ quan trung ương (đối với tài sản là trụ sở làm việc và xe ô tô các loại của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý); Cơ quan quản lý cấp trên (đối với tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên /1 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý); Sở, ban, ngành chủ quản hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý);

- Lưu trữ 01 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

b) Bộ, cơ quan trung ương, cơ quan quản lý cấp trên, Sở, ban, ngành chủ quản hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện:

- Xác nhận hồ sơ báo cáo kê khai tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

- Gửi 01 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản đã có xác nhận đến: Bộ Tài chính (đối với tài sản là trụ sở làm việc và xe ô tô các loại của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý); Cơ quan tài chính của Bộ, cơ quan trung

ương (đối với tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên /1 đơn vị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý); Sở Tài chính (đối với tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý);

- Lưu trữ 01 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản tại Bộ, cơ quan trung ương, cơ quan quản lý cấp trên, Sở, ban, ngành chủ quản hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Trình tự, hồ sơ báo cáo kê khai bổ sung:

Khi có thay đổi thông tin về tài sản thì cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản lập báo cáo kê khai bổ sung gửi cơ quan tiếp nhận và quản lý báo cáo kê khai theo trình tự quy định tại khoản 2 Điều này:

a) Những tài sản được đầu tư xây dựng mới, mua sắm hoặc tiếp nhận về sử dụng tại đơn vị: Thực hiện kê khai theo Mẫu số 01-ĐK/TSNN, Mẫu số 02-ĐK/TSNN, Mẫu số 03-ĐK/TSNN ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Thay đổi thông tin về đơn vị sử dụng tài sản theo Mẫu số 04a-ĐK/TSNN ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Thay đổi thông tin về tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp theo Mẫu số 04b-ĐK/TSNN ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Thay đổi thông tin về tài sản là xe ô tô theo Mẫu số 04c-ĐK/TSNN ban hành kèm theo Thông tư này;

đ) Thay đổi thông tin về tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên theo Mẫu số 04d-ĐK/TSNN ban hành kèm theo Thông tư này;

e) Xóa thông tin về tài sản trong Cơ sở dữ liệu theo Mẫu số 04đ-ĐK/TSNN ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Thời hạn báo cáo kê khai tài sản nhà nước:

a) Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước phải hoàn thành việc báo cáo kê khai lần đầu theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 33 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP. Nếu quá thời hạn này mà cơ quan, tổ chức, đơn vị không báo cáo kê khai thì cơ quan tài chính nhà nước có quyền yêu cầu kho bạc nhà nước tạm đình chỉ thanh toán các khoản chi phí liên quan đến tài sản phải báo cáo và không bố trí kinh phí mua sắm tài sản cố định vào dự toán ngân sách năm sau của cơ quan đó; người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước bị xử lý theo quy định;

b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước phải thực hiện báo cáo kê khai bổ sung trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi. Đối với tài sản đưa vào sử dụng do hoàn thành đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa lớn thì thời gian thay đổi tính từ ngày ký biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng; giá trị tài sản sẽ được điều chỉnh sau khi quyết toán vốn đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành”.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 3 Điều 18 như sau:

“đ) Kèm theo Báo cáo tổng hợp hiện trạng sử dụng nhà, đất theo Mẫu số 02B-ĐK/TSNN và Báo cáo tổng hợp tình hình tăng, giảm tài sản nhà nước theo Mẫu số 02C-ĐK/TSNN ban hành kèm theo Thông tư số 245/2009/TT-BTC. Các báo cáo này được in từ Cơ sở dữ liệu về tài sản nhà nước”.

Điều 6. Bổ sung Điều 18a vào sau Điều 18 như sau:

“Điều 18a. Hình thức báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước quy định tại Điều 18 Thông tư số 245/2009/TT-BTC có thể lựa chọn một trong hai hình thức sau để thực hiện:

1. Báo cáo bằng văn bản.
2. Báo cáo điện tử thông qua phần giao diện Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước. Chữ ký của người lập báo cáo và Thủ trưởng đơn vị được thực hiện thông qua thiết bị bảo mật Chứng thư số”.

Điều 7. Sửa đổi khoản 1, khoản 2 Điều 21 như sau:

1. Sửa cụm từ “tại điểm a khoản 2 Điều 20” thành “tại khoản 2 Điều 20” tại khoản 1 Điều 21.
2. Sửa cụm từ “tại điểm b khoản 2 Điều 20” thành “tại điểm b khoản 3 Điều 20” tại khoản 2 Điều 21.

Điều 8. Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 38 như sau:

“3. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự chủ tài chính sử dụng hóa đơn tài chính làm chứng từ để hạch toán các khoản thu, chi trong việc sử dụng chung tài sản nhà nước.

Đối với cơ quan nhà nước, tổ chức không có hóa đơn tài chính thì sử dụng phiếu thu, phiếu chi và các giấy tờ có liên quan làm chứng từ để hạch toán các khoản thu, chi trong việc sử dụng chung tài sản nhà nước. Các chứng từ kế toán này phải có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 17 Luật Kế toán”.

Điều 9. Bổ sung Điều 38a vào sau Điều 38 như sau:

“Điều 38a. Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp

1. Tài sản được hình thành từ nguồn hỗ trợ của nhà nước cho tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo

Danh mục quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 68/2010/QĐ-TTg ngày 01/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định hội có tính chất đặc thù hoặc theo quyết định của cấp có thẩm quyền được quản lý, sử dụng như sau:

a) Tài sản là trụ sở làm việc hoặc tài sản khác gắn liền với đất được hình thành toàn bộ từ nguồn hỗ trợ của ngân sách nhà nước là tài sản nhà nước. Việc quản lý, sử dụng thực hiện theo quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan nhà nước quy định tại Chương III của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và Chương II Nghị định số 52/2009/NĐ-CP. Riêng việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản này thực hiện bằng nguồn kinh phí của các tổ chức sử dụng tài sản;

b) Tài sản là trụ sở làm việc hoặc tài sản khác gắn liền với đất mà Nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí để đầu tư xây dựng thì các tổ chức có trách nhiệm bảo toàn và sử dụng tài sản theo đúng mục đích được hỗ trợ. Trường hợp sử dụng tài sản này vào mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, liên doanh liên kết, cho thuê thì phải được cơ quan nhà nước đã quyết định hỗ trợ có ý kiến chấp thuận bằng văn bản; đồng thời phải thanh toán lại cho Nhà nước phần kinh phí do nhà nước hỗ trợ;

c) Tài sản không thuộc trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản này thì việc quản lý, sử dụng được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật có liên quan và Điều lệ của tổ chức.

2. Tài sản mà Nhà nước giao, đã giao cho tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp: Việc quản lý, sử dụng được thực hiện theo quy định tại Điều 36 và 37 Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và Chương II Nghị định số 52/2009/NĐ-CP”.

Điều 10. Thay thế, bổ sung và bãi bỏ các Mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 245/2009/TT-BTC như sau:

1. Thay thế Mẫu số 01-DM/TSNN, 02-DM/TSNN và 03-DM/TSNN quy định tại Điều 11 Thông tư số 245/2009/TT-BTC bằng Mẫu số 01-DM/TSNN, 02-DM/TSNN và 03-DM/TSNN ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Thay thế Mẫu số 01-ĐK/TSNN, 02-ĐK/TSNN, 03-ĐK/TSNN quy định tại Điều 16 Thông tư số 245/2009/TT-BTC bằng Mẫu số 01-ĐK/TSNN, 02-ĐK/TSNN, 03-ĐK/TSNN ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Thay thế Mẫu số 01-DM/ĐVSN, 02-DM/ĐVSN, 03-DM/ĐVSN theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 245/2009/TT-BTC bằng Mẫu số 01-DM/TSNN, 02-DM/TSNN, 03-DM/TSNN ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Bãi bỏ Mẫu số 04-ĐK/TSNN quy định tại Điều 17 Thông tư số 245/2009/TT-BTC; Bổ sung Mẫu số 04a-ĐK/TSNN, 04b-ĐK/TSNN, 04c-ĐK/TSNN, 04d-ĐK/TSNN và 04đ-ĐK/TSNN ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2012

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu phát sinh vướng mắc đề nghị các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để phối hợp, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- VPBCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Sở Tài chính các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, QLCS.

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Chí